

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUỒN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HSST.

Ngày 25/10/2018.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUỒN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Đưng Knul và ông Hoàng Văn Thu.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên toà: Ông Ngụ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/10/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 26/9/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 05/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Tấn P (P Nhóc)- Sinh năm 1998; tại tỉnh Đắk Lắk Nơi cư trú: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 08/12.

Họ và tên cha: Nguyễn Tiến D - Sinh năm 1980.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kim H - Sinh năm 1980.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có một tiền án: Ngày 26 tháng 11 năm 2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 372/2015/HSST đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12 tháng 07 năm 2018 đến nay. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B – Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn C (C Chột) - Sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Nông.

Nơi thường trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 5/12.

Họ và tên cha: Nguyễn Q (đã chết).

Họ và tên mẹ: Huỳnh Thị P - Sinh năm 1970.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có một tiền án: Ngày 29 tháng 10 năm 2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về các tội: “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 97/2013/HSST đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, về tội: Chống người thi hành công vụ, hiện đang bị tạm giam tại nhà

tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông từ ngày 05 tháng 7 năm 2018 đến nay – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn P và Nguyễn C đều nghiện ma túy nhưng không có công ăn việc làm ổn định, sống lang thang. Chiều ngày 27 tháng 6 năm 2018, P đi đến phòng trọ của Nguyễn C ở khu vực gần bến xe phía Nam thành phố B (không rõ địa chỉ cụ thể) để sử dụng ma túy đá (hàng đá); đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi sử dụng ma túy xong P rủ C đi tìm sơ hở việc quản lý tài sản của người dân để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và được C đồng ý tham gia. Trước khi đi P cầm theo 01 cây gậy 03 khúc được làm bằng kim loại và điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Wara (không có biển kiểm soát, do C trộm cắp tại huyện Đ) chở C, khi cả hai đi đến khu vực xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây P và C gặp một người thanh niên giới thiệu tên là V và một người thanh niên khác là bạn của V (cả hai thanh niên này không biết rõ họ, tên chính thức và nơi cư trú cụ thể); lúc này P rủ V và bạn của V tham gia trộm cắp tài sản thì cả hai đồng ý. Sau khi cả nhóm đồng ý tham gia thực hiện hành vi đi trộm cắp, P điều khiển xe mô tô nêu trên chở C, còn V điều khiển xe mô tô của V (không rõ biển kiểm soát) chở bạn của V, tất cả đi theo đường tỉnh lộ 1 hướng về trung tâm huyện B. Khi đi đến thôn C, xã T, huyện B tỉnh Đắk Lắk, P nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1- 05417 nhãn hiệu AirBlade của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 đang dựng ở ngoài sân không có người trong coi, nên P bảo cả nhóm dừng lại để đi vào trộm cắp chiếc xe mô tô này. Tại đây P và bạn của V đứng bên ngoài canh giới, còn C cầm cây gậy 3 khúc cùng với V đi vào phá khóa cổng chính, khi C và V phá được khóa cổng lên vào dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 05417 nhãn hiệu AirBlade đi ra chỗ P và bạn của V đang đứng, V tiến hành lấy vạm phá khóa đem theo phá ổ khóa xe nhưng không được, sau đó tất cả cùng tham gia mở măt nạ phía trước của xe rồi dùng tay rút dây ổ khóa điện ra và đề máy nổ, P điều khiển xe mô tô trộm cắp được của chị N, rồi cùng nhau đem xe về phòng trọ của C cất giấu. Đến khoảng 18 giờ ngày 28 tháng 6 năm 2018, C điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được của chị N, còn P và V đi một xe của V, khi đi đến ngã ba Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, thì C bị Công an huyện Đ phát hiện mời về trụ sở để làm việc, nhưng C không chấp hành, mà còn có hành vi chống trả nhằm tẩu thoát, đã bị Công an huyện Đ bắt giữ và sau đó bị khởi tố, tạm giam điều tra về tội: Chống người thi hành công vụ. Đối với P và V sau khi không liên lạc được với C nên quay trở lại thành phố B. Sau đó P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B bắt giữ để điều tra xử lý; còn V và bạn của V bỏ trốn hiện nay không phát hiện sinh sống ở đâu.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27 tháng 06 năm 2018, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ án:

Trộm cắp tài sản, là tại nhà chị Nguyễn Thị N, thuộc thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Vật chứng đã thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, không có biển soát, màu sơn đen đỏ, số máy F27E - 0844050, số khung 2700BY767551.

Đối với chiếc xe Wara Nguyễn Tấn P và Nguyễn C dùng làm phương tiện phạm tội, là do C trộm cắp được tại huyện Đ, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với C về tội: Trộm cắp tài sản và đã tạm giữ xe trên để tiếp tục điều tra làm rõ.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐGTS ngày 12 tháng 07 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 - 05417 có giá trị 37.990.000 đồng x 30% = 11.397.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 459, trả lại cho bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 - 05417.

Đối với cây gậy 3 khúc và 01 van phá khóa do các bị cáo dùng để thực hiện vào việc phạm tội, các bị cáo khai công cụ này do V cất giữ hiện nay V bỏ trốn nên không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 21/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn P và Nguyễn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Tấn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn C có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N là bị hại trong vụ án, đã nhận lại tài sản một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 - 05417, chị không có yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, Kiểm sát luận tội phân tích về hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn P và Nguyễn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định xử lý vật chứng số 459 ngày 07 tháng 9 năm 2018 trả lại cho chị Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 - 05417 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với cây gậy 3 khúc và 01 van phá khóa do các bị cáo dùng để thực hiện vào việc phạm tội, các bị cáo khai công cụ này do V cất giữ hiện nay V bỏ trốn nên không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 05417, chị không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn C vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của bị cáo Nguyễn C không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Tấn P tại phiên tòa cũng như lời khai của bị cáo Nguyễn C có trong hồ sơ vụ án đều phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tài sản sở hữu của người khác, nên vào ngày 27 tháng 6 năm 2018, Nguyễn Tấn P và Nguyễn C đã trực tiếp tham gia trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 05417 của chị Nguyễn Thị N, trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết quả định giá là 11.397.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 theo như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội đối với các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới bảo đảm tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể. Tuy nhiên, cần phân hóa vai trò cũng như tính chất, mức độ và hành vi

phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử lý cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn P với vai trò là người khởi xướng, rủ rê Nguyễn C phạm tội do đó cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn bị cáo Nguyễn C.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C:

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn P có một tiền án: Ngày 26 tháng 11 năm 2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 372/2015/HSST đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội.

Đối với bị cáo Nguyễn C có một tiền án: Ngày 29 tháng 10 năm 2015 Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về các tội: “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 97/2013/HSST đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội.

Do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Tấn P và Nguyễn C đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là gây thiệt hại về tài sản không lớn, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C ra khỏi xã hội một thời gian nhất định.

Trong vụ án này theo lời khai của Nguyễn Tấn P và Nguyễn C còn khẳng định, P và C gặp một người thanh niên giới thiệu tên là V và một người thanh niên khác là bạn của V, đây là lần thứ hai gặp nhau (cả hai thanh niên này không biết rõ họ, tên chính thức và nơi cư trú cụ thể); P rủ V và bạn của V tham gia trộm cắp tài sản thì cả hai đồng ý và cùng tham gia thực hiện việc trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát: 47H1 – 05417 của chị Nguyễn Thị N, trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch cũng như nơi cư trú của V và bạn của V, do vậy chưa có căn cứ khởi tố bị can được. Ngày 07 tháng 9 năm 2018 Cơ quan điều tra công an huyện B ra quyết định số 459a tách vụ án hình sự, để điều tra làm rõ hành vi của V và bạn của V xử lý sau là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015. Điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định xử lý vật chứng số 459 ngày 07 tháng 9 năm 2018 trả lại cho bà Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 - 05417 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với cây gậy 3 khúc và 01 van phá khóa do các bị cáo dùng để thực hiện vào việc phạm tội, các bị cáo khai công cụ này do V cất giữ hiện nay V bỏ trốn nên không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị N là bị hại trong vụ án, đã nhận lại tài sản một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 05417, chị không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/7/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015. Điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định xử lý vật chứng số 459 ngày 07 tháng 9 năm 2018 trả lại cho bà Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 - 05417 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với cây gậy 3 khúc và 01 van phá khóa do các bị can dùng để thực hiện vào việc phạm tội, các bị can khai công cụ này do V cất giữ hiện nay V bỏ trốn nên không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

3. Trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị N là bị hại trong vụ án, đã nhận lại tài sản một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – 05417, chị không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn P và bị cáo Nguyễn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện ;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện B;
- Các bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HS.

Bùi Xuân Sơn